

Bản án số: 961/2022/HC-PT

Ngày: 19 - 12 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 577/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 814/2022/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2239/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn D; Nơi cư trú: ấp 5, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thế S; Nơi cư trú: đường B, Phường 11, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/. Bà Phan Thị Bảo Ch, chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện B, (có mặt).

2/. Bà Trương Hồng V, chức vụ: Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân

và Ủy ban nhân dân huyện B, (vắng mặt).

3/. Ông Nguyễn Ngọc M, chức vụ: chuyên viên Phòng Quản lý đô thị huyện B, (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn D có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thế S trình bày:

Gia đình ông D gồm 13 thành viên cùng sinh sống trên nền đất thổ cư từ năm 1952, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số CH 01003 ngày 29/11/2020, là đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài. Vị trí đất nằm trong hẻm cụt nối với đường Liên ấp 6-5, khu thổ cư tập trung. Sau khi lập gia đình riêng, năm 2001 gia đình cho ông D một phần diện tích 4x7,5m và ông D đã sử dụng làm nhà ở bằng vật liệu nhẹ, cây, tôn, ván. Do nền đất trũng thường xuyên bị ngập nước, hơn nữa hiện nay đường Liên ấp 6-5 nâng cao, nước mưa chảy vào càng làm ngập nhiều hơn không sử dụng ở được nữa, buộc lòng ông phải nâng nền xây dựng lại để gia đình có chỗ ở cao ráo.

Tháng 05/2020, ông D nhờ dịch vụ xin phép xây dựng, sau hơn một tuần bộ phận dịch vụ cho biết trường hợp của ông D do đất ở nông thôn, theo quy định của Luật Xây dựng được miễn giấy phép xây dựng và ông D đã tiến hành đắp nền cao 0,6m, xây tường gạch và lợp lại tôn mới.

Ngày 03/7/2020 nhân viên địa chính Ủy ban nhân dân xã V lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với ông D và ngày 10/7/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định số 423/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính ông D với lý do không có giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm a, Khoản 5, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP, buộc ông D phải nộp phạt và tháo bỏ vật liệu xây dựng.

Ông D cho rằng Quyết định số 423/QĐ-XPVPHC áp dụng trong trường hợp của Ông là không có căn cứ, trái với quy định tại điểm k, khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng. Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP để xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử văn hóa là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Bồi lẽ: Theo điểm k khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng ngày 05/11/2016 và có hiệu lực thi hành ngày 01/1/2017 quy định: “*Nhà ở riêng lẻ nông thôn được xây dựng trong khuôn viên trên thửa đất ở hợp pháp của hộ gia đình, cá nhân được miễn giấy phép xây dựng về pháp luật xây dựng*”

Nay ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 423/QĐ-XPVPHC ngày 10/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại Văn bản số 858/UBND ngày 12/3/2021 người bị kiện trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D như sau:

1/. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành; nội dung Quyết định số

423/QĐ-XPVPHC ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

1.1/. Về căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành:

. Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ;

. Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

. Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

. Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-GQXP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

. Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về trật tự xây dựng số 2790/BB-VPHC ngày 03 tháng 7 năm 2020 do Ủy ban nhân dân xã V lập.

1.2/. Về quy hoạch:

. Căn cứ Quyết định số 6013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện B đến năm 2020, vị trí khu đất một phần thuộc chức năng quy hoạch đất ở nông thôn hiện hữu;

. Căn cứ Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã V, huyện B được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt kèm Quyết định số 14406/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014; vị trí khu đất thuộc chức năng quy hoạch đất ở nông thôn hiện hữu.

. Căn cứ Quyết định số 4483/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện B, vị trí khu đất một phần thuộc chức năng quy hoạch đất ở tại nông thôn.

1.3/. Về pháp lý quyền sử dụng đất:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO 1003 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010 cho bà Lê Thị T là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn Ng (đăng ký di sản thừa kế gồm bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Ngọc Ng, ông Nguyễn Văn D), xã V, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn.

1.4/. Về nội dung:

- Ngày 03 tháng 7 năm 2020, Ủy ban nhân dân xã V lập Biên bản vi phạm hành chính về trật tự xây dựng đối với ông Nguyễn Văn D với nội dung Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

- Ngày 03 tháng 7 năm 2020, Ủy ban nhân dân xã V có Công văn số 2802/UBND về việc đề xuất xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng của ông Nguyễn Văn D tại ấp 5, xã V, huyện B;

- Ngày 07 tháng 07 năm 2020, Phòng Quản lý đô thị có Tờ trình số 4383/TTr-QLĐT về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với ông Nguyễn Văn D tại xã V, huyện B;

- Ngày 10 tháng 07 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 423/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính.

1.5/. Hành vi vi phạm hành chính của ông Nguyễn Văn D, xã V:

- Nội dung vi phạm: Diện tích vi phạm: $30m^2$, trong đó:

+ Công trình: $4m \times 7,5m = 30m^2$; Hiện trạng: Móng BTCT, tường gạch, chưa lợp mái. Thời điểm vi phạm: tháng 7 năm 2020.

Địa điểm vi phạm: Địa chỉ E5/23 ấp 5 thuộc Một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 27 (tài liệu BĐĐC), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 03 tháng 7 năm 2020, Ủy ban nhân dân xã V có Công văn số 2802/UBND về việc đề xuất xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng của ông Nguyễn Văn D tại ấp 5, xã V theo hình thức như sau:

+ *Hình thức xử phạt chính*: Áp dụng tại điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ đối với phần diện tích vi phạm: móng BTCT, tường gạch $30m^2$ tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 27 (tài liệu BĐĐC), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phạt tiền với mức phạt 15.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng*).

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*:

Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm xây dựng không phép: Diện tích vi phạm: Công trình: $4m \times 7,5m = 30m^2$; Hiện trạng: Móng BTCT, tường gạch, chưa lợp mái. Thời điểm vi phạm: tháng 7 năm 2020.

Quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do người vi phạm chi trả.

Người vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2/. Từ những cơ sở trình bày nêu trên, khẳng định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 423/QĐ-XPVPHC ngày 10 tháng 7 năm 2020 xử

phạt vi phạm hành chính là đúng quy định. Yêu cầu Tòa án tuyên xử: Giữ nguyên Quyết định số 423/QĐ-XPVPHC ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt vi phạm hành chính; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 814/2022/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2, Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 28; khoản 2 Điều 38; Điều 57, Điều 58, Điều 66, Điều 67 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; Căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc: yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 423/QĐ-XPVPHC ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/6/2022, ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; cho rằng Giấy chứng nhận QSD đất được cấp xác định thửa đất 170 là loại đất ở nông thôn. Hơn nữa việc nâng nền, xây nhà ở lại là trên hiện trạng nền đất cũ, phù hợp với điểm k khoản 2 Điều 89 của Luật xây dựng năm 2015. Nên việc người bị kiện xử phạt ông có hành vi xây dựng nhà ở riêng lẻ trên phần đất “Khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa” là không đúng.

- Phía bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị kiện cho rằng lý do xử phạt hành chính đối với ông D là xây dựng nhà ở trên đất quy hoạch đô thị mà không xin phép, không phải trên đất “bảo tồn di tích, lịch sử” như phía người khởi kiện trình bày. Đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện.

[2]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền xem xét các quyết định có liên quan, thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 193 của Luật tố tụng hành chính thì Thẩm quyền của Hội đồng xét xử ngoài việc xem xét các Quyết định hành chính bị khởi kiện còn phải xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định có liên quan.

Trong vụ án này, thể hiện: Sau khi người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 423/QĐ-XPVPHC ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2020 xử phạt vi phạm hành chính ông D với lý do không có giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm a, Khoản 5, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP, buộc ông D phải nộp phạt và tháo bỏ vật liệu xây dựng. Thì ngày 06/8/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B tiếp tục ban hành Quyết định số 538/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông D; ngày 23/12/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 828/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Quyết định số 423.

Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm chỉ xem xét, đánh giá tính hợp pháp của Quyết định 423; chưa xem xét, đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định có liên quan: Quyết định số 538, Quyết định 828 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không giải quyết toàn diện và triệt để vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Bởi lẽ: Nếu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho rằng Quyết định 423 được ban hành là không có căn cứ và trái quy định pháp luật thì Quyết định 828 là không đúng; Trong trường hợp này cấp phúc thẩm không thể hủy Quyết định 828 vì chưa được sơ thẩm xem xét. Án sơ thẩm nhận định cho rằng đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là chưa đúng với Điều 193 của Luật tố tụng hành chính. Vì đây là quyết định có liên quan cần phải xem xét đánh giá trong quá trình giải quyết lại vụ án, vì có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[3]. Xét nội dung kháng cáo thấy rằng:

Tại điểm k, khoản 2, Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 quy định: “*Công trình được miễn giấy phép xây dựng gồm: k) Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà ở riêng lẻ xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa;..*”.

Người khởi kiện cho rằng công trình xây dựng trên đất là nhà ở riêng lẻ nên thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng. Còn người bị kiện thì căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của

Chính phủ quy định:

“5. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng như sau: a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ ... đối với công trình khác...”

Án sơ thẩm nhận định: *“...người khởi kiện không chứng minh được công trình bị xử phạt được xây để dùng vào mục đích làm nhà ở, trong khi đó trên thửa đất có công trình bị xử phạt này đã có công trình nhà ở có diện tích xây dựng lên đến 229,5m² được nhà nước công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Quyết định số 423/QĐ-XPVPHC xác định công trình bị xử phạt nêu trên là công trình xây dựng ở nông thôn là có cơ sở”*. Nhận định như trên là có sự mâu thuẫn, không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ. Vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho phía gia đình ông D xác định thửa 170 là đất ở nông thôn.

Hơn nữa về Quy hoạch, hồ sơ thể hiện: tại các Quyết định số 6013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012; Quyết định số 14406/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014 và Quyết định số 4483/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện B, vị trí khu đất một phần thuộc chức năng quy hoạch đất ở tại nông thôn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính Phủ thì Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt vào năm 2025, theo đó huyện B được quy hoạch là đất ở đô thị; Còn phía người khởi kiện cho rằng tính pháp lý cao nhất đối với người dân là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước cấp, không biết việc quy hoạch đất ở đô thị.

Vì vậy quá trình giải quyết lại vụ án, cần thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh về công bố quy hoạch như phía người bị kiện trình bày; Trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm có thể hiện nội dung quy hoạch toàn bộ diện tích đất huyện B là đất ở đô thị, hay chỉ là một phần; Tại phần đất của ông D (xã V) có được quy hoạch là đất ở đô thị; Tài liệu chứng cứ chứng minh là người dân biết được quy hoạch, trong đó có hộ ông D. Có như vậy, mới có đủ cơ sở xác định phần đất mà phía người khởi kiện xây dựng công trình nhà ở là đất ở nông thôn, hay đất ở đô thị; có xin phép xây dựng hay được miễn; để từ đó xem xét việc xử phạt có đúng quy định pháp luật hay không?

[4]. Do Án sơ thẩm có vi phạm như đã phân tích ở mục [2], thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần hủy bản án hành chính sơ thẩm, giao về cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục theo như nhận định trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án nên người kháng cáo không

phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 814/2022/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

2/. Án phí hành chính phúc thẩm các đương sự không phải chịu; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D 300.000 đồng dự nộp án phí theo biên lai thu số 0002731 ngày 26/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ lại phần dự nộp án phí hành chính sơ thẩm để tiếp tục giải quyết lại vụ án.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (2);
- Lưu VP (3), HS (2).12b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết